

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2017 của Thư viện tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-VHTTDL ngày 18/01/2017 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lâm Đồng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Công văn 639/SVHTTDL của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lâm Đồng V/v Thống nhất điều chỉnh nội dung chi cho Thư viện tỉnh Lâm Đồng năm 2017;

Căn cứ Công văn số 834/VHTTDL ngày 16/8/2017 của Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch Lâm Đồng về việc hướng dẫn công khai ngân sách theo Luật NSNN năm 2015;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2017 của Thư viện tỉnh Lâm Đồng (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Hành chính, Kế toán Thư viện tỉnh, Phòng Tin học có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở VH, TT và DL (để báo cáo);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



HỒ THANH HÀ

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 20/QĐ-VHTTDL ngày 18/01/2017

của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lâm Đồng)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	THƯ VIỆN TỈNH		Đơn vị ...	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
I	Quyết toán thu	122	122		
A	Tổng số thu	10	10		
1	Số thu phí, lệ phí				
1,1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
					
1,2	Phí	10	10		
	Phí A				
	Phí B				
					
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	18	18		
3	Thu sự nghiệp khác	94	94		
B	Chi từ nguồn thu được để lại	122	122		
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1,1	Chi sự nghiệp.....	10	10		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
1,2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	18	18		
3	Hoạt động sự nghiệp khác	94	94		
C	Số thu nộp NSNN				
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
1,1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
					
1,2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				

Số TT	Nội dung	THƯ VIỆN TỈNH		Đơn vị ...	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ				
3	Hoạt động sự nghiệp khác				
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2,1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2,2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức				
2,3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	2.758	2.758		
8,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.225	1.225		
8,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.533	1.533		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				

Số TT	Nội dung	THƯ VIỆN TỈNH		Đơn vị ...	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
2	Chi Chương trình mục tiêu				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				

LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Huỳnh Duyên

Đà Lạt, ngày 14 tháng 10 năm 2017

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HỒ THANH HÀ

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 20/QĐ-VHTTDL ngày 18/01/2017 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lâm Đồng)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu	122	122			
1	Số thu phí, lệ phí					
1,1	Lệ phí					
	Lệ phí A					
	Lệ phí B					
1,2	Phí	10	10			
	Phí A					
	Phí B					
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	18	18			
3	Thu sự nghiệp khác	94	94			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	122	122			
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
1,1	Chi sự nghiệp.....	10	10			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
1,2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	18	18			
3	Hoạt động sự nghiệp khác	94	94			
C	Số thu nộp NSNN					
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
1,1	Phí					
	Phí A					
	Phí B					
1,2	Phí					
	Phí A					
	Phí B					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước					
1	Chi quản lý hành chính					
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
2,1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2,2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2,3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy					
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	2.758	2.758			
8,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.225	1.225			
8,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.533	1.533			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình,					
9,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu					
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)					
2	Chi Chương trình mục tiêu					
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)					

LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Huỳnh Duyên

Đà Lạt, ngày 14 tháng 10 năm 2017

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HỒ THANH HÀ

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ (9 THÁNG NĂM 2017)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	15	10	66,7%	66,7%
1	Số thu phí, lệ phí	15	10	66,7%	66,7%
1,1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
1,2	Phí	15	10	66,7%	66,7%
	Phí A				
	Phí B				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	15	10	66,7%	66,7%
2,1	Chi sự nghiệp.....				
	40% dùng chi CCTL	6	4	66,7%	66,7%
	60% bổ sung hoạt động đơn vị	9	6	66,7%	66,7%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2,2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3,1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
3,2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2,1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
2,2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2,3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	3.528	2.758	78,18%	
8,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.842	1.225	66,50%	
8,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.686	1.533	90,10%	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin và liên lạc				
9,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
2	Chi Chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				

Đà Lạt, ngày 14 tháng 10 năm 2017

LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Huỳnh Duyên

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HỒ THANH HÀ

Chương: 425

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 20/QĐ-VHTTDL ngày 18/01/2017 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lâm Đồng)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bố	Trong đó	
				THƯ VIỆN TỈNH	Đơn vị ...
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			15	
1	Số thu phí, lệ phí			15	
1,1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
					
1,2	Phí			15	
	Phí A				
	Phí B				
					
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại			15	
2,1	Chi sự nghiệp.....				
	40% dùng chi CCTL			6	
	60% bổ sung hoạt động đơn vị			9	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2,2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3,1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
					
3,2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2,1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó	
				THƯ VIỆN TỈNH	Đơn vị ...
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2,2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2,3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			3.528	
8,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			1.842	
8,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			1.686	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc				
2	Chi Chương trình mục tiêu				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				

LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Huỳnh Duyên

Đà Lạt, ngày 14 tháng 10 năm 2017
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 THƯ VIỆN
 TỈNH
 LÂM ĐỒNG
HỒ THANH HÀ